

Số: /BTNMT-PC

V/v phổ biến và đăng ký tập huấn
thực hiện trách nhiệm xử lý chất thải
của nhà sản xuất, nhập khẩu

Hà Nội, ngày tháng năm 2022

Kính gửi:

Luật Bảo vệ môi trường 2020 được Quốc hội thông qua ngày 17 tháng 11 năm 2020, chính thức có hiệu lực thi hành kể từ ngày 01 tháng 01 năm 2022. Theo đó, kể từ ngày 01 tháng 01 năm 2022, nhà sản xuất, nhập khẩu một số sản phẩm, hàng hóa (*danh mục chi tiết kèm theo*) có trách nhiệm đóng góp tài chính vào Quỹ Bảo vệ môi trường Việt Nam để hỗ trợ hoạt động xử lý chất thải.

Nhà sản xuất, nhập khẩu có trách nhiệm tự kê khai số tiền đóng góp hỗ trợ xử lý chất thải (*mẫu bản kê khai kèm theo*) trước ngày 31 tháng 03 hàng năm và thực hiện nộp tiền đóng góp hỗ trợ xử lý chất thải vào Quỹ Bảo vệ môi trường Việt Nam trước ngày 20 tháng 4 hàng năm (nộp một lần hoặc nộp lần đầu). Năm 2022 là năm đầu tiên nhà sản xuất, nhập khẩu thực hiện trách nhiệm này.

Để giúp nhà sản xuất, nhập khẩu hiểu, thực hiện đúng trách nhiệm xử lý chất thải theo quy định của Luật Bảo vệ môi trường 2020, Bộ Tài nguyên và Môi trường trân trọng đề nghị quý tổ chức, hiệp hội thông báo, phổ biến quy định của pháp luật nêu trên cho các hội viên; đồng thời tổng hợp, đăng ký danh sách các nhà sản xuất, nhập khẩu thuộc ngành hàng tham gia Hội thảo tập huấn do Bộ Tài nguyên và Môi trường chủ trì tổ chức (01 hội thảo cho khu vực phía Bắc và 01 hội thảo cho khu vực phía Nam - dự kiến tổ chức đầu tháng 3 năm 2022).

Vui lòng đăng ký danh sách các nhà sản xuất, nhập khẩu tham gia Hội thảo tập huấn theo liên kết <https://forms.gle/gashwiUquBv2vwA29> trước ngày 20 tháng 02 năm 2022. Thông tin chi tiết xin liên hệ chị Nguyễn Phương Hà, Vụ Pháp chế, Bộ Tài nguyên và Môi trường - số điện thoại 0912818818 hoặc email: haphuongnguyen1158@gmail.com.

Trân trọng cảm ơn./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Bộ trưởng Trần Hồng Hà (để báo cáo);
- Thứ trưởng Võ Tuấn Nhân (để báo cáo);
- Vụ Pháp chế; Quỹ BVMT Việt Nam;
- Lưu: VT, PC, 6.

TL. BỘ TRƯỞNG
VỤ TRƯỞNG VỤ PHÁP CHẾ

Phan Tuấn Hùng
Tổ trưởng Tổ công tác EPR

DANH MỤC SẢN PHẨM, BAO BÌ VÀ MỨC ĐÓNG GÓP HỖ TRỢ XỬ LÝ CHẤT THẢI¹

TT (1)	Loại sản phẩm, bao bì (2)	Định dạng (3)	Dung tích/ kích thước (4)	Mức đóng góp hỗ trợ xử lý chất thải (5)
1	Bao bì thuốc bảo vệ thực vật	Chai, hộp nhựa	Nhỏ hơn 500ml	50 đồng/cái
			Từ 500ml trở lên	100 đồng/cái
		Bao, gói, túi nhựa	Nhỏ hơn 100g	20 đồng/cái
			Từ 100g đến dưới 500g	50 đồng/cái
			Từ 500g trở lên	100 đồng/cái
		Chai, bình thủy tinh	Nhỏ hơn 500ml	150 đồng/cái
			Từ 500ml trở lên	250 đồng/cái
		Chai, lọ, bình, hộp kim loại	Nhỏ hơn 500ml	150 đồng/cái
Từ 500ml trở lên	250 đồng/cái			
2	Pin dùng một lần các loại	Tất cả	Tất cả	01% doanh thu của sản phẩm đối với trường hợp sản xuất hoặc 01% giá trị nhập khẩu của sản phẩm đối với trường hợp nhập khẩu
3	Tã lót, bím, băng vệ sinh, khăn ướt dùng một lần	Tất cả	Tất cả	01% doanh thu của sản phẩm đối với trường hợp sản xuất hoặc 01% giá trị nhập khẩu của sản phẩm đối với trường hợp nhập khẩu
4	Kẹo cao su	Tất cả	Tất cả	01% doanh thu của sản phẩm đối với trường hợp sản xuất hoặc 01% giá trị nhập

¹ Theo Phụ lục số XXIII phần Phụ lục ban hành kèm theo Nghị định số 08/2021/NĐ-CP ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Bảo vệ môi trường

				khẩu của sản phẩm đối với trường hợp nhập khẩu
5	Thuốc lá	Tất cả	Tất cả	60 đồng/20 điếu
6	Sản phẩm có thành phần nhựa tổng hợp			
6.1	Khay, bát, đĩa, ly, cốc, dao, kéo, thìa, đĩa, ống hút, que khuấy, hộp đựng, màng bọc thực phẩm sử dụng một lần	Tất cả	Tất cả	1.500 đồng/01 kg nhựa được sử dụng
6.2	Bóng bay, băng keo dán, tăm bông tai, tăm chỉ kẽ răng; bàn chải đánh răng dùng một lần; kem đánh răng dùng một lần; dầu gội, dầu xả dùng một lần; dao cạo râu dùng một lần			
6.3	Quần, áo các loại và phụ kiện			
6.4	Đồ da, túi, giày, dép các loại			
6.5	Đồ chơi trẻ em các loại			
6.6	Đồ nội thất các loại			
6.7	Vật liệu xây dựng các loại			
6.8	Túi ni lông khó phân hủy sinh học có kích thước nhỏ hơn 50cm x 50cm và độ dày một lớp màng nhỏ hơn 50 μ m			

MẪU BẢN KÊ KHAI SỐ TIỀN ĐÓNG GÓP HỖ TRỢ XỬ LÝ CHẤT THẢI

BẢN KÊ KHAI SỐ TIỀN ĐÓNG GÓP HỖ TRỢ XỬ LÝ CHẤT THẢI NĂM² (Dùng cho thuốc bảo vệ thực vật)

Kính gửi: Quỹ Bảo vệ môi trường Việt Nam

Tên nhà sản xuất, nhập khẩu: Mã số thuế:.....
 Người đại diện theo pháp luật: Chức vụ:.....
 Địa chỉ: Điện thoại: Email:

Đơn vị tính: VND

TT	Danh mục sản phẩm	Mã SP	Định dạng	Dung tích	Đơn vị tính	Số tiền đóng góp tài chính năm N			Số tiền chênh lệch giữa thực tế và kê khai của năm N-1			Tổng số tiền phải đóng góp	
						Số lượng thực tế năm N-1	Mức đóng góp năm N	Số tiền	Số lượng kê khai năm N-1	Chênh lệch số lượng thực tế và kê khai năm N-1	Mức đóng góp năm N-1		Số tiền
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)=(7)×(8)	(10)	(11)=(7)-(10)	(12)	(13)=(11)×(12)	(14) = (9)+(13)
I Sản phẩm, hàng hoá sản xuất và bán ra thị trường trong nước													
1	Sản phẩm, hàng hóa nhãn A												
II Sản phẩm, hàng hoá nhập khẩu													
2	Sản phẩm, hàng hóa nhãn B												

² Theo Mẫu số 04 Phụ lục IX phần Phụ lục ban hành kèm theo Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Bảo vệ môi trường

TỔNG CỘNG (I+II)														

Tài liệu kèm theo:

Bản kê khai danh mục sản phẩm, hàng hóa sản xuất đưa ra thị trường trong năm N-1 (Nhà sản xuất): **theo Mẫu số 07 kèm theo**

Bản kê khai danh mục sản phẩm, hàng hóa nhập khẩu trong năm N-1 (Nhà nhập khẩu): **theo Mẫu số 08 kèm theo**

(Tên nhà sản xuất, nhập khẩu) cam kết và chịu trách nhiệm trước pháp luật về thông tin, số liệu, tài liệu trong Bản kê khai này./.

Ngày ... tháng ... năm ...

Người đại diện theo pháp luật

(Ký tên, đóng dấu)

Họ và tên

Ghi chú:

- Năm N là năm thực hiện trách nhiệm, năm N-1 là năm liền trước năm thực hiện trách nhiệm;
- Cột (7): Kê khai theo cột (5) của **Mẫu số 07** và **Mẫu số 08 kèm theo**;
- Cột (7): Số tiền đóng góp tài chính năm N là số tiền tạm tính và được tính theo khối lượng sản phẩm, bao bì sản xuất và tiêu thụ thị trường trong nước, nhập khẩu của năm N-1 (năm liền trước);
- Cột (10): Kê khai theo số liệu cột (7) Bản kê khai của năm N-1 (năm liền trước).

BẢN KÊ KHAI
SỐ TIỀN ĐÓNG GÓP HỖ TRỢ XỬ LÝ CHẤT THẢI NĂM³
(Dùng cho pin dùng 1 lần; tã lót, bím, băng vệ sinh, khăn ướt dùng 1 lần; kẹo cao su)

Kính gửi: Quỹ Bảo vệ môi trường Việt Nam

Tên nhà sản xuất, nhập khẩu: **Mã số thuế:**.....
Người đại diện theo pháp luật: **Chức vụ:**.....
Địa chỉ: **Điện thoại:** **Email:**

Đơn vị tính: VND

TT	Danh mục sản phẩm	Mã SP	Đơn vị tính	Số tiền đóng góp tài chính năm N			Số tiền chênh lệch giữa thực tế và kê khai của năm N-1				Tổng số tiền phải đóng góp
				Doanh thu thuần/giá trị nhập khẩu thực tế năm N-1	Mức đóng góp năm N	Số tiền	Doanh thu thuần/giá trị nhập khẩu kê khai năm N-1	Chênh lệch Doanh thu/giá trị nhập khẩu thực tế và kê khai năm N-1	Mức đóng góp năm N-1	Số tiền	
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)=(5)×(6)	(8)	(9)=(5)-(8)	(10)	(11)=(9)×(10)	(12) = (7)+(11)
<i>I Sản phẩm, hàng hoá sản xuất và tiêu thụ thị trường trong nước</i>											
1	Sản phẩm, hàng hóa nhãn A										
<i>II Sản phẩm, hàng hoá nhập khẩu</i>											
2	Sản phẩm, hàng hóa nhãn B										

³ Theo Mẫu số 04 Phụ lục IX phần Phụ lục ban hành kèm theo Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Bảo vệ môi trường

TỔNG CỘNG (I+II)											

Tài liệu kèm theo:

Bản kê khai danh mục sản phẩm, hàng hóa sản xuất đưa ra thị trường trong năm N-1 (Nhà sản xuất): **theo Mẫu số 07 kèm theo**

Bản kê khai danh mục sản phẩm, hàng hóa nhập khẩu trong năm N-1 (Nhà nhập khẩu): **theo Mẫu số 08 kèm theo**

(Tên nhà sản xuất, nhập khẩu) cam kết và chịu trách nhiệm trước pháp luật về thông tin, số liệu, tài liệu trong Bản kê khai này./.

Ngày ... tháng ... năm ...

Người đại diện theo pháp luật

(Ký tên, đóng dấu)

Họ và tên

Ghi chú:

- Năm N là năm thực hiện trách nhiệm, năm N-1 là năm liền trước năm thực hiện trách nhiệm;
- Cột (5): Kê khai theo cột (6) của **Mẫu số 07 Phụ lục IX** và cột (7) của **Mẫu số 08 Phụ lục IX**;
- Cột (7): Số tiền đóng góp hỗ trợ xử lý chất thải năm N là số tiền tạm tính theo doanh thu thuần hoặc tổng giá trị nhập khẩu (tính theo trị giá hải quan) của năm N-1 (năm liền trước);
- Cột (8): Kê khai theo số liệu cột (5) Bản kê khai của năm N-1 (năm liền trước).

BẢN KÊ KHAI
SỐ TIỀN ĐÓNG GÓP HỖ TRỢ XỬ LÝ CHẤT THẢI NĂM⁴
(Dùng cho thuốc lá)

Kính gửi: Quỹ Bảo vệ môi trường Việt Nam

Tên nhà sản xuất, nhập khẩu: **Mã số thuế:**.....
Người đại diện theo pháp luật: **Chức vụ:**.....
Địa chỉ: **Điện thoại:** **Email:**

Đơn vị tính: VNĐ

TT	Danh mục sản phẩm	Mã SP	Đơn vị tính	Số tiền đóng góp tài chính năm N			Số tiền chênh lệch giữa thực tế và kê khai của năm N-1				Tổng số tiền phải đóng góp
				Số lượng thực tế năm N-1	Mức đóng góp năm N	Số tiền	Số lượng kê khai năm N-1	Chênh lệch số lượng thực tế và kê khai năm N-1	Mức đóng góp năm N-1	Số tiền	
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)=(5)×(6)	(8)	(9)=(5)-(8)	(10)	(11)=(9)×(10)	(12) = (7)+(11)
I	<i>Sản phẩm, hàng hoá sản xuất và tiêu thụ thị trường trong nước</i>										
1	Thuốc lá nhãn A										
II	<i>Sản phẩm, hàng hoá nhập khẩu</i>										
2	Thuốc lá nhãn B										
TỔNG CỘNG (I+II)											

⁴ Theo Mẫu số 04 Phụ lục IX phần Phụ lục ban hành kèm theo Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Bảo vệ môi trường

Tài liệu kèm theo:

Bản kê khai danh mục sản phẩm, hàng hóa sản xuất đưa ra thị trường trong năm N-1 (Nhà sản xuất): **theo Mẫu số 07 kèm theo**

Bản kê khai danh mục sản phẩm, hàng hóa nhập khẩu trong năm N-1 (Nhà nhập khẩu): **theo Mẫu số 08 kèm theo**

Tờ khai thuế tiêu thụ đặc biệt năm N-1 (sao y bản chính).

(Tên nhà sản xuất, nhập khẩu) cam kết và chịu trách nhiệm trước pháp luật về thông tin, số liệu, tài liệu trong Bản kê khai này./.

Ngày ... tháng ... năm ...

Người đại diện theo pháp luật

(Ký tên, đóng dấu)

Họ và tên

Ghi chú:

- Năm N là năm thực hiện trách nhiệm, năm N-1 là năm liền trước năm thực hiện trách nhiệm;

- Cột (5): Kê khai theo cột (5) của **Mẫu số 07 Phụ lục IX** và **Mẫu số 08 Phụ lục IX**;

- Cột (7): Số tiền đóng góp hỗ trợ xử lý chất thải năm N là số tiền tạm tính theo số lượng thuốc lá sản xuất và tiêu thụ thị trường trong nước, nhập khẩu của năm N-1 (năm liền trước);

- Cột (8): Kê khai theo số liệu cột (5) Bản kê khai của năm N-1 (năm liền trước).

BẢN KÊ KHAI
SỐ TIỀN ĐÓNG GÓP HỖ TRỢ XỬ LÝ CHẤT THẢI NĂM⁵
(Dùng cho sản phẩm, hàng hóa sử dụng nhựa tổng hợp)

Kính gửi: Quỹ Bảo vệ môi trường Việt Nam

Tên nhà sản xuất, nhập khẩu: **Mã số thuế:**.....
Người đại diện theo pháp luật: **Chức vụ:**.....
Địa chỉ: **Điện thoại:** **Email:**

Đơn vị tính: VNĐ

T T	Danh mục sản phẩm	Mã SP	Đơn vị tính	Số tiền đóng góp tài chính năm N					Số tiền chênh lệch giữa thực tế và kê khai của năm N-1				Tổng số tiền phải đóng góp	
				Số lượn g thực tế năm N-1	Khối lượng thành phần nhựa/sả n phẩm của năm N-1	Khối lượng nhựa tạm tính sử dụng cho năm N	Mức đón g góp năm N	Số tiền	Khối lượng nhựa tạm tính sử dụng kê khai cho năm N-1	Chênh lệch khối lượng nhựa sử dụng thực tế và kê khai của năm N-1	Mức đón g góp năm N-1	Số tiền		
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)=(5)×(6)	(8)	(9)=(7)×(8)	(10)	(11)=(7)-(10)	(12)	(13)=(11)×(12)	(14)=(9)+(13)	
I	Sản phẩm, hàng hoá sản xuất và tiêu thụ thị trường trong nước													
II	Sản phẩm, hàng hoá nhập khẩu													
2	Sản phẩm, hàng hóa nhãn B													
TỔNG CỘNG (I+II)														

⁵ Theo Mẫu số 04 Phụ lục IX phần Phụ lục ban hành kèm theo Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Bảo vệ môi trường

Tài liệu kèm theo:

Bản kê khai danh mục sản phẩm, hàng hóa sản xuất đưa ra thị trường trong năm N-1 (Nhà sản xuất): **theo Mẫu số 07 kèm theo.**

Bản kê khai danh mục sản phẩm, hàng hóa nhập khẩu trong năm N-1 (Nhà nhập khẩu): **theo Mẫu số 08 kèm theo**

(Tên nhà sản xuất, nhập khẩu) cam kết và chịu trách nhiệm trước pháp luật về thông tin, số liệu, tài liệu trong Bản kê khai này./.

Ngày ... tháng ... năm ...

Người đại diện theo pháp luật

(Ký tên, đóng dấu)

Họ và tên

Ghi chú:

- Năm N là năm thực hiện trách nhiệm, năm N-1 là năm liền trước năm thực hiện trách nhiệm;
- Cột (5): Kê khai theo cột (5) của **Mẫu số 07 Phụ lục IX** và **Mẫu số 08 Phụ lục IX**;;
- Cột (6): Khối lượng thành phần nhựa/sản phẩm, hàng hóa được tính bằng kg và xác định đến phần nghìn. Ví dụ: 0,123 kg. Nhà sản xuất, khẩu khẩu phải công bố thông tin sản phẩm theo quy định tại khoản 1 Điều 86 Nghị định số 6999/2021/NĐ-CP;
- Cột (9): Số tiền đóng góp hỗ trợ xử lý chất thải năm N là số tiền tạm tính theo khối lượng nhựa tổng hợp được sử dụng của năm N-1 (năm liền trước);
- Cột (10): Kê khai theo số liệu cột (7) Bản kê khai của năm N-1 (năm liền trước).

MẪU SỐ 07. KÊ KHAI DANH MỤC SẢN PHẨM, HÀNG HÓA SẢN XUẤT ĐƯA RA THỊ TRƯỜNG NĂM N-1⁶**TÊN NHÀ SẢN XUẤT****KÊ KHAI DANH MỤC SẢN PHẨM, HÀNG HÓA SẢN XUẤT ĐƯA RA THỊ TRƯỜNG NĂM N-1**
*(Từ 01/01/N-1 đến 31/12/N-1)**Đơn vị tính: VND*

TT	Danh mục sản phẩm, hàng hóa	Mã SP	Đơn vị tính	Doanh thu từ trong nước		Doanh thu từ xuất khẩu		Tổng doanh thu	Ghi chú
				Số lượng	Thành tiền	Số lượng	Thành tiền		
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)=(6)+(8)	(10)
I	Danh mục sản phẩm, hàng hóa								
1	Sản phẩm, bao bì phải được tái chế								
1.1	Tên sản phẩm, hàng hóa nhãn A								
...	...								
2	Sản phẩm, bao bì phải được xử lý								
2.1	Tên sản phẩm, hàng hóa nhãn B								
...	...								
II	Danh mục sản phẩm, hàng hóa và dịch vụ khác của nhà sản xuất								
1	Tên sản phẩm, hàng hóa nhãn C								
TỔNG CỘNG (I + II)									

Người lập**Kế toán trưởng**

Ngày ... tháng ... năm ...
Người đại diện theo pháp luật
(Ký tên, đóng dấu)
Họ và tên

Ghi chú:

- Mẫu số 07: Áp dụng cho nhà sản xuất;
- Số liệu doanh thu kê khai là doanh thu thuần;

⁶ Theo Mẫu số 07 Phụ lục IX phần Phụ lục ban hành kèm theo Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Bảo vệ môi trường

- Nhà sản xuất phải kê khai toàn bộ sản phẩm, hàng hóa, dịch vụ bán ra trong kỳ kê khai để làm cơ sở kiểm tra, đối chiếu và xác minh số liệu;
- Đối với sản phẩm, hàng hóa thuộc trách nhiệm của nhà sản xuất thì phải kê khai đầy đủ thông tin các cột;
- Đối với sản phẩm, hàng hóa, dịch vụ khác (không thuộc trách nhiệm) thì nhà sản xuất kê khai cột (2), cột (3) và cột (9).

MẪU SỐ 08. KÊ KHAI DANH MỤC SẢN PHẨM, HÀNG HÓA NHẬP KHẨU TRONG NĂM N-1⁷

TÊN NHÀ NHẬP KHẨU

KÊ KHAI DANH MỤC SẢN PHẨM, HÀNG HÓA NHẬP KHẨU TRONG NĂM N-1
(Từ 01/01/N-1 đến 31/12/N-1)

Đơn vị tính: VNĐ

TT	Danh mục sản phẩm, hàng hóa	Mã SP	Đơn vị tính	Số lượng	Đơn giá	Giá trị nhập khẩu	Tờ khai số	Ngày đăng ký	Ghi chú
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)=(5) × (6)	(8)	(9)	(10)
I	Danh mục sản phẩm, hàng hóa								
<i>1</i>	<i>Sản phẩm, bao bì phải được tái chế</i>								
1.1	Tên sản phẩm, hàng hóa nhãn A								
...	...								
<i>2</i>	<i>Sản phẩm, bao bì phải được xử lý</i>								
2.1	Tên sản phẩm, hàng hóa nhãn B								
...	...								
II	Sản phẩm, hàng hóa khác của nhà nhập khẩu								
1	Sản phẩm, hàng hóa nhãn C								
TỔNG CỘNG (I+II)									

Người lập

Kế toán trưởng

Ngày ... tháng ... năm ...
Người đại diện theo pháp luật
(Ký tên, đóng dấu)
Họ và tên

⁷ Theo Mẫu số 07 Phụ lục IX phần Phụ lục ban hành kèm theo Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Bảo vệ môi trường

Ghi chú:

- Mẫu số 08: Áp dụng cho nhà nhập khẩu;
- Cột (7): Tính theo trị giá hải quan;
- Cột (8): Nhà nhập khẩu ghi đầy đủ chữ số và ký hiệu của Tờ khai hải quan nhập khẩu;
- Cột (9): Nhà nhập khẩu ghi rõ ngày tháng năm đăng ký Tờ khai hải quan nhập khẩu;
- Nhà nhập khẩu kê khai đầy đủ thông tin toàn bộ sản phẩm, bao bì nhập khẩu trong kỳ kê khai để làm cơ sở kiểm tra, đối chiếu và xác minh số liệu;
- Đối với sản phẩm, hàng hóa thuộc trách nhiệm của nhà nhập khẩu thì phải kê khai đầy đủ thông tin các cột;
- Đối với sản phẩm, hàng hóa khác (không thuộc trách nhiệm) thì nhà sản xuất kê khai cột (2), cột (3) và cột (7)